

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP HỆ THỐNG MAQR.VN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP HỆ THỐNG MAQR.VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAQR.VN TECHNOLOGY AND SOLUTION SYSTEM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108157856

**3. Ngày thành lập:** 05/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6k25, ngõ 63, phố Nguyễn An Ninh, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                         | 6202(Chính) |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 3.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                       | 1811        |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                    | 1812        |
| 5.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                   | 1820        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                    | 4659        |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy máy tính                                                                                                                                                                              | 8559        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm các hoạt động có điều kiện hoặc bị Nhà nước liệt kê vào danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)                                                                            | 6311        |
| 9.  | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm các hoạt động có điều kiện hoặc bị Nhà nước liệt kê vào danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)                                                                                                                | 6312        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm | 6209        |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Không bao gồm các hoạt động có điều kiện hoặc bị Nhà nước liệt kê vào danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)                                                                                                | 7120        |
| 12. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                         | 7420        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6201 |
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6329 |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7320 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 18. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4741 |
| 19. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật<br>Chi tiết:<br>- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên loại trừ nghiên cứu và phát triển thực nghiệm công nghệ sinh học;<br>- Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên;<br>- Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ;<br>- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp;<br>- Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên<br>(Không bao gồm các hoạt động có điều kiện hoặc bị Nhà nước liệt kê vào danh mục ngành nghề cấm kinh doanh) | 7210 |
| 20. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm các hoạt động có điều kiện hoặc bị Nhà nước liệt kê vào danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 21. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu: Tư vấn về công nghệ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7490 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế nhãn hiệu<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THÀNH TRUNG  | Số nhà 294, đường Ngô Thị Nhậm, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 034088001160                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                             | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TRỌNG LINH       | Thôn Phúc Long, Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 121746649                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                             | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ THU THUY | Tổ dân phố số 6, đường La Giang, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    | 183539625                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                             | Tổng số           | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH TRUNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/04/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034088001160*

Ngày cấp: *11/03/2015*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 294, đường Ngô Thì Nhậm, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 12A06, tòa nhà HH4C- Chung cư Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*